

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo
kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại
xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
(Trữ lượng tính đến ngày 04 tháng 11 năm 2021)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép số 181/GP-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xây dựng Sơn Lâm được thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại tại xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống;

Xét Đơn đề ngày 05/11/2021 của Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xây dựng Sơn Lâm đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp không chứa kim loại tự sinh hoặc khoáng vật kim loại (gọi tắt là đá ong phong hóa) tại xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1256/TTr-STNMT ngày 13/12/2021 (kèm theo phiếu đánh giá Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của các chuyên gia, cán bộ chuyên môn thuộc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng và tài nguyên là 32,03 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 16 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng địa chất cấp 122: 13.988.209 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Không

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Đất làm vật liệu san lấp: 13.988.209 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Không

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam;
- Các Sở: TN&MT, XD;
- UBND huyện Nông Cống;
- Cty TNHH Đầu tư TM và XD Sơn Lâm;
- Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất;
- UBND xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống;
- Lưu: VT, CN_(Tm.873).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐẤT LÂM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ TƯỢNG LĨNH,
HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Diện tích	Điểm góc	TỌA ĐỘ HỆ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ 00', múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
32,03ha	1	2.165.766,73	572.510,60
	2	2.165.640,03	572.610,12
	3	2.165.361,17	572.675,66
	4	2.165.177,71	572.858,35
	5	2.165.219,99	572.915,79
	6	2.165.511,97	572.751,21
	7	2.165.605,19	572.831,95
	8	2.165.340,99	573.249,73
	9	2.165.371,54	573.275,07
	10	2.165.225,87	573.513,64
	11	2.165.335,10	573.619,10
	12	2.165.474,39	573.446,13
	13	2.165.448,03	573.339,96
	14	2.165.679,42	573.058,93
	15	2.166.064,63	572.650,59
	16	2.166.060,58	572.551,80

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM
VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ TƯƠNG LĨNH, HUYỆN NÔNG CỐNG,
TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m³)	Ghi chú
1	1-122	+ 10,0	1.599.751	
2	2-122	+ 10,0	2.872.800	
3	3-122	+ 10,0	3.151.055	
4	4-122	+ 10,0	1.208.720	
5	5-122	+ 10,0	2.567.723	
6	6-122	+ 10,0	2.588.160	
Tổng trữ lượng cấp 122			13.988.209	